

Đổi mới giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay

Đinh Thị Mận, Diệp Minh Thiện, Đinh Thị Ngọc Lý*

**Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai*

Received: 08/3/2024; Accepted: 14/3/2024; Published: 21/3/2024

Abstract: *Innovating education in general and higher education in particular is an important task in the education and training development strategy in Vietnam. To innovate higher education, it is necessary to pay attention to innovating training programs, content, teaching methods, enhancing connection, cooperation and quality accreditation of educational institutions.*

Keywords: *Education, educational innovation, training programs, methods, quality accreditation.*

1. Đặt vấn đề

Với quan điểm coi Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu, Đảng, Nhà nước ta đã xác định cần phát triển nền giáo dục Việt Nam thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của giáo dục và đào tạo trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cùng với phương châm đó, từ khi Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” ra đời, công cuộc đổi mới giáo dục đại học được tiến hành ở Việt Nam với mục tiêu là tạo ra sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Nghị quyết cũng đề ra mục tiêu đến năm 2030, giáo dục đại học Việt Nam sẽ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng về đổi mới giáo dục đại học

Trong những năm gần đây, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể: sự phát triển, mở rộng quy mô, loại hình đào tạo; chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên và tiếp cận với các tiêu chuẩn giáo dục quốc tế. Theo thống kê gần nhất, năm 2021, Việt Nam xếp thứ 59 thế giới theo xếp hạng các quốc gia về lĩnh vực giáo dục, tăng 5 bậc so với năm 2020; các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam tiếp tục được xếp hạng cao và tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế, nhiều trường đại học được xếp hạng đại học Châu Á và các tổ chức khác. Vị trí của giáo dục đại học Việt Nam trên bản đồ giáo dục quốc tế khẳng định chất lượng giáo dục nước ta đã có nhiều thay đổi về chất lượng đội ngũ giảng viên quốc tế; về số lượng các công trình, báo cáo khoa học; về chuyển đổi số trong các

trường đại học giúp quản lý và duy trì hoạt động dạy học đạt hiệu quả.

Sự đổi đa dạng hóa về hình thức đào tạo, đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo có những bước tiến đáng kể. Nhiều trường đại học xây dựng chương trình đào tạo theo hướng mở, xây dựng nguồn học liệu mở, linh hoạt trong đào tạo trực tuyến và trực tiếp. Chương trình giáo dục quốc tế được cập nhật và phát triển. Sự đổi mới, đa dạng hóa các loại hình đào tạo giúp cho giáo dục đại học đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục đại học Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế về chương trình, nội dung giáo dục, về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, chất lượng đào tạo, sự phân bố không đồng đều về nguồn nhân lực giữa các ngành học gây nên tình trạng thừa, thiếu cục bộ, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo còn ít, tỷ lệ sinh viên có việc làm không đúng với ngành đào tạo hoặc thất nghiệp cao gây ra tình trạng lãng phí về nguồn nhân lực và chi phí đào tạo.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại học

Một là, Các cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng phát triển và nâng cao năng lực xây dựng, thiết kế chương trình đào tạo dựa trên CĐR nhằm xây dựng được những chương trình đào tạo mang đặc trưng riêng, yếu tố mới, phù hợp, hấp dẫn người học và nhà tuyển dụng, trang bị cho sinh viên các năng lực cần thiết đáp ứng môi trường làm việc tương lai.

Trong giai đoạn hiện nay, phát triển chương trình theo định hướng nghề nghiệp đang là một trong những con đường cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực. Chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp được thiết kế tăng cường thời lượng học tập dành cho thực hành,

thực tập và rèn nghề. Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp đào tạo theo nhu cầu của thế giới việc làm, lấy người học làm trung tâm, học qua trải nghiệm, học tập dựa trên năng lực, phối hợp nhiều phương pháp dạy và học tích cực. Vì vậy có thể khẳng định rằng, đào tạo theo định hướng nghề nghiệp cung ứng nguồn lao động trực tiếp cho xã hội. Đồng thời chương trình còn xác định những mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (còn được gọi là CDR) là cơ sở và là tiền đề cho việc phát triển chương trình đào tạo. CDR của mỗi mục tiêu đào tạo cần được xác định rõ ràng cụ thể, có thể đo lường và đánh giá được năng lực người học có được sau khi kết thúc khóa học. Tại cơ sở giáo dục đại học chương trình đào tạo là yếu tố cốt lõi trong việc đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội vì năng lực của sinh viên tốt nghiệp chính là thước đo chất lượng đào tạo của các trường đại học.

Hai là, đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá gắn liền với việc phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực. Về nội dung đào tạo cần cập nhật các nội dung giáo dục mang tính mới, kết nối với thực tiễn ngành đào tạo. Những thay đổi về nội dung đào tạo đòi hỏi những thay đổi tương xứng về cách tiếp cận phương pháp dạy và học trong cơ sở giáo dục đại học. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và phát triển nghề nghiệp của sinh viên. Việc mở rộng và đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học giúp người học thực hành, trải nghiệm giúp rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, việc ứng dụng những tiện ích của công nghệ vào giảng dạy, học tập ở trường đại học không chỉ cung cấp thông tin cho sinh viên mà còn là cầu nối để sinh viên tiếp cận với nền giáo dục chất lượng, giúp bỏ qua những hạn chế về thời gian và địa điểm, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho cộng đồng, khuyến khích sự sáng tạo, tò mò, hợp tác và cá thể hóa việc học tập. Thiết kế và lựa chọn công cụ kiểm tra đánh giá các học phần trong chương trình đào tạo cần bám sát mục tiêu học phần. Bởi mục tiêu của các học phần được xây dựng dựa trên mục tiêu, CDR của chương trình đào tạo nên việc kiểm tra đánh giá học phần luôn là khâu quan trọng, quyết định việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của giảng viên và sinh viên, đồng thời góp phần quan trọng cho sự điều chỉnh, thay đổi phù hợp về cách dạy và học của giảng viên và sinh viên trong các

học phần cụ thể, đáp ứng mục tiêu, CDR của học phần và mục tiêu CDR của chương trình đào tạo.

Ba là, tăng cường kết nối, hợp tác với các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực và cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước. Việc tạo ra sự kết nối, hợp tác với các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực giúp các cơ sở giáo dục đại học hiện phương châm gắn với đào tạo với nhu cầu xã hội. Đổi mới đào tạo gắn với nhu cầu việc làm của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực và xã hội tập trung vào những nội dung, kỹ năng mà xã hội cần có ở người lao động giải quyết vấn đề sinh viên có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp và vấn đề thừa thiếu cục bộ nguồn nhân lực đối với các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, việc kết nối hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp còn giúp cơ sở giáo dục đại học được trao đổi kinh nghiệm thực tế gắn với ngành nghề đào tạo, tạo môi trường để sinh viên thực hành, thực tập nghề nghiệp, phối hợp với các trung tâm việc làm, để đưa ra những dự báo chính xác, kịp thời nhu cầu nhân lực chất lượng cao. Cùng với mở rộng kết nối, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực, cơ sở giáo dục đại học cần quan tâm và đẩy mạnh hơn nữa công tác liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong và ngoài nước nhằm tăng cường trao đổi sinh viên, giảng viên; hợp tác nghiên cứu khoa học từ đó tiếp thu được cái mới, phương pháp giảng dạy, học tập, nghiên cứu tiến tiến, hiện đại.

Bốn là, chú trọng nhiệm vụ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Đây là hoạt động nhằm đánh giá và công nhận mức độ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục đại học. Kiểm định chất lượng giáo dục giúp cơ sở giáo dục đại học định vị được vị trí của mình trên bản đồ các trường đại học do đó, kiểm định chất lượng giáo dục trong trường đại học không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục và còn thúc đẩy sự cạnh tranh trong giáo dục. Nó là động lực cho các trường đại học liên tục nâng cao chất lượng giáo dục và cải thiện dịch vụ cho người học và xã hội. Ngoài việc tự đánh giá chất lượng giáo dục, các cơ sở giáo dục có thể đăng ký đánh giá ngoài và mở rộng đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế. Kiểm định chất lượng sẽ buộc các cơ sở giáo dục đại học xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ, giúp các trường đại học từng bước nâng cao tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm để có thể tự quyết định và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ được giao.

Năm là, đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện phục

vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn hiện nay, khi công nghệ 4.0 đã và đang phát triển mạnh mẽ thì việc triển khai và thực hiện đồng bộ chuyển đổi số trong giáo dục là nhiệm vụ quan trọng. Để khai thác tối đa các tiện ích và thực hiện chuyển đổi số, các cơ sở giáo dục đại học cần có sự đầu tư về cơ sở vật, có chính sách quản lý, sử dụng hiệu quả, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

3. Kết luận

Đổi mới giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay vẫn luôn là vấn đề cấp thiết gắn liền với xu hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục. Việc đổi mới về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tăng cường kiểm định chất lượng và đầu tư cơ sở vật chất trong trường đại học cần

được thực hiện có lộ trình, có chất lượng và hệ thống trên cơ sở ngày càng nâng cao. Có như vậy, giáo dục đại học Việt Nam ngày càng phát triển bắt nhịp cùng thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết 29 – NQ/TW ngày 14/11/2013 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

2. Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam từ quan điểm đến giải pháp, ThS Nguyễn Thị Lan, Tạp chí Thông tin Đối ngoại và Khoa học, 17/08/2020

3. Đổi mới giáo dục ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp, Trần Thị Minh Tuyết, Tạp chí Cộng sản, 21/2/2022.

Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi...(tiếp theo trang 307)

- Tạo hiệu ứng chuyển động với phần mềm AE (ADOBE After Effect).

- Tạo hiệu ứng thực tế tăng cường AR với phần mềm Artivive.

- Thử nghiệm bằng thiết bị di động và sửa lỗi.

- Thực hiện kể chuyện sáng tạo theo chất liệu tranh dân gian có ứng dụng công nghệ thực tế tăng cường AR:

Bước 1: Giới thiệu và đàm thoại về tranh gốc.

Bước 2: Sáng tạo câu chuyện cùng với tranh dân gian ứng dụng công nghệ thực tế tăng cường AR.

Bước 3: Giáo viên hướng dẫn cho trẻ sử dụng tranh dân gian ứng dụng công nghệ thực tế tăng cường AR và luyện tập nhiều lần.

Bước 4: Trẻ thực hiện kể chuyện sáng tạo theo hình thức nhóm hoặc cá nhân.

Điều kiện thực hiện:

Giáo viên biết sử dụng thành thạo các phần mềm như: Photoshop, Adobe After Effect, Artivive...

Nhà trường, phụ huynh trẻ tạo điều kiện về máy móc, thiết bị thông minh khác cũng như phối hợp nhuần nhuyễn để phối hợp với giáo viên có hiệu quả hoạt động kể chuyện sáng tạo với tranh dân gian có sự hỗ trợ của công nghệ thực tế tăng cường AR.

3. Kết luận

Có thể nói, nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động kể chuyện sáng tạo với thể loại tranh dân gian có ý nghĩa quan trọng. Bởi nó vừa chuẩn bị tốt về mặt ngôn ngữ cho trẻ để chuẩn bị bước vào lớp Một vừa hình thành các chuẩn mực văn

hóa trong giao tiếp hàng ngày cũng như rèn luyện nhân cách, phẩm chất biết trân trọng, gìn giữ, phát huy vẻ đẹp của thể loại tranh dân gian. Đây là nhiệm vụ khó, cần nhiều thời gian, chi phí, vì vậy để làm tốt điều này cần có sự huy động của các cấp quản lý giáo dục, chính quyền địa phương, phụ huynh trẻ và các nguồn lực khác của xã hội. Giáo dục văn hóa địa phương, nhất là bảo tồn các giá trị văn hóa dân gian như thể loại tranh dân gian cho trẻ ngay khi còn nhỏ là con đường nhân văn nhất để hình thành và phát triển con người Việt Nam mới.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.

2. Lê Thu Hương (2007), *Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Lê Thị Bắc Lý, Đinh Thanh Tuyền (2023), *Giáo trình Tiếng Việt và Phương pháp phát triển Ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

4. Đinh Hồng Thái (2013), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5. Ngô Thị Thái Sơn (2006), *Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, Trường Cao đẳng sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3.

6. Vugôtxki, L. X. (2002), *Trí tưởng tượng và sáng tạo ở lứa tuổi thiếu nhi*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.